

Bản án số: 232/2021/HC-PT
Ngày 28 – 4 – 2021
V/v “*kiếu kiện quyết định hành
chính về quản lý đất đai*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tửu

Các Thẩm phán: Ông Phan Đức Phương

Ông Lê Thành Long.

- *Thư ký phiên tòa:* Nguyễn Thị Mỹ Dung - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Ông Đỗ Phước Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2021, tại phòng xét xử số 5 trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 83/2021/TLPT-HC ngày 20 tháng 01 năm 2021; về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý đất đai*”. Do bản án hành chính sơ thẩm số 31/2020/HC-ST ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm **số: 277/2021/QĐPT-HC ngày 01 tháng 3 năm 2021**, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Ông Trần Anh T, sinh năm 1955; Địa chỉ: Ấp 5, xã LP, huyện GT, tỉnh Bến Tre (có mặt).

Người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện: Ông Huỳnh Minh T1, sinh năm 1979; Địa chỉ: Ấp 3, xã Hưng Phong, huyện GT, tỉnh Bến Tre (có mặt).

- *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân huyện GT, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn Nh – Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện GT, tỉnh Bến Tre (có đơn xin giải quyết vắng mặt, đơn ngày 29/6/2020).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Bà Võ Thị

Kiều Ch – Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện GT (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Bà Trần Thị S, sinh năm: 1960; Địa chỉ: Ấp 5, xã LP, huyện GT, tỉnh Bến Tre (có mặt).

2/ Bà Mai Thị L, sinh năm 1957 (có mặt);

3/ Ông Trần Tú X, sinh năm 1982 (Có đơn xin giải quyết vắng mặt, đơn ngày 06/7/2020).

Cùng địa chỉ: Ấp 5, xã LP, huyện GT, tỉnh Bến Tre.

(Bà L ủy quyền cho ông Huỳnh Minh T1).

- *Người kháng cáo ông Trần Anh T là người khởi kiện, bà Mai Thị L là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, biên bản đối thoại cũng như tại phiên toà, người khởi kiện – ông Trần Anh T và đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện là ông Huỳnh Minh T1 cùng trình bày:

Ngày 04/6/2020, ông Trần Anh T có nhận được Quyết định số: 2040/QĐ-UBND ngày 29/5/2020 của Ủy ban nhân dân huyện GT, tỉnh Bến Tre về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Trần Anh T (được Nhà nước cấp vào ngày 04/7/1996 để lập thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị S. Nay ông khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy quyết định trên vì:

- Thứ nhất: Trong phần căn cứ Ủy ban nhân dân huyện GT có ghi: “Thực hiện bản án số: 236/2018/DS-PT ngày 27/8/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre...”. Ông cho rằng căn cứ này sai pháp luật bởi quan hệ tranh chấp giữa các đương sự trong bản án số 236 nêu trên là “Tranh chấp quyền sử dụng đất” nếu bản án có hiệu lực pháp luật thì người được thi hành án (bà S) có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành bản án đó. Sau khi có kết quả thi hành án hợp pháp thì người được thi hành án đi đăng ký kê khai, làm thủ tục xin cấp quyền sử dụng đất với cơ quan chuyên môn và cơ quan chuyên môn sẽ căn cứ vào kết quả thi hành án xét cấp quyền sử dụng đất cho người được thi hành án đó mới đúng trình tự pháp luật. Điều này có nghĩa là Ủy ban nhân dân huyện GT không có quyền trực tiếp điều chỉnh hay tham gia vào quá trình thi hành bản án số 236 nêu trên được (trừ trường hợp bên bị thi hành án tự nguyện).

- Thứ hai: Trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà hộ gia đình ông được Nhà nước cấp ngày 04/7/1996 có 07 thửa đất mà thu hồi cả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là ảnh hưởng quyền lợi gia đình ông đối với thửa còn

lại vì thửa còn lại không có liên quan gì vụ án tranh chấp đất với bà S hay bản án số 236 nêu trên. Một điều quan trọng là trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 04/7/1996 không có thửa đất nào là thửa số 36 như trong Quyết định số 2040 có ghi, như vậy thu hồi thửa đất số 36 nêu trên ở đâu (trong sổ đất nào). Ông chưa tự nguyện thi hành bản án số 236 nêu trên và còn đang khiếu nại theo thủ tục giám đốc thẩm đến Tòa án nhân dân cấp cao và Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và đang đợi kết quả giải quyết.

- Thứ ba: Dòng cuối cùng của Quyết định số 2040 có ghi: “Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký” theo ông là sai pháp luật. Bởi căn cứ theo quy định của Luật khiếu nại - tố cáo thì Quyết định hành chính sau khi ban hành phải cho thời gian đương sự khiếu nại lên cấp có thẩm quyền xem xét lại. Nhưng trong quyết định này ghi như thế là đã tước quyền khiếu nại của ông, như thế là sai quy định, cho nên ông thấy như vậy là sai.

- Thứ tư: Quyết định 2040 này chưa được thực thi (chưa có hiệu lực pháp luật), chưa làm thủ tục tách quyền sử dụng đất cho bà S theo quy định... mà sao Ủy ban nhân dân huyện GT biết phần đất lập thủ tục cấp cho bà S là thửa 417 (một phần thửa đất số 36), tờ bản đồ số 04 diện tích 1.899,6m².... như trong Quyết định có ghi? Chưa làm thủ tục tách quyền sử dụng đất mà sao có sổ thửa mới (thửa 417) tách ra từ thửa cũ (thửa 36), việc làm này ông cho rằng là ngược quy trình, biết trước kết quả khi chưa làm thủ tục đúng quy định. Như vậy Ủy ban nhân dân huyện muốn cấp sổ đỏ cho bà S khi chưa có một căn cứ nào hợp pháp và cuối cùng đúng quy định (tự ý định đoạt trước sự việc).

- Thứ năm: Trong phần căn cứ của Quyết định số 2040 có ghi: Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương..., Căn cứ Luật đất đai..., Căn cứ Nghị định số 43/2014/CP.... mà chỉ ghi chung chung chứ không ghi rõ ràng là căn cứ vào điều khoản nào cụ thể của những quy định trên. Bởi theo ông được biết một Bộ luật, một Nghị định có rất nhiều điều khoản ở trong đó, Ủy ban nhân dân huyện ghi như vậy làm ông tra cứu để tìm hiểu xem có đúng hay không rất khó khăn vì quá nhiều điều khoản đọc không thể hiểu hết vì trình độ hiểu biết về luật của ông cũng có hạn.

- Thứ sáu: Trong quyết định số 2040 có ghi : “ ông Trần Anh T và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.” Ông cho rằng ghi như vậy là chưa chính xác, cá nhân có liên quan ở đây phải ghi rõ ràng là ai (họ và tên) để họ biết mà thực hiện cái quyền và nghĩa vụ của mình cho đúng. Ví dụ như nếu có ghi tên cụ thể vợ ông (bà Mai Thị L) thì bà L mới biết để bà còn thực hiện hay là khiếu nại lên cấp trên... như vậy mới đúng luật và chính xác.

- Thứ bảy: Trong phần diện tích 1.899,6m² mà bà S thắng kiện trong bản án số 236/2018/DS-PT nêu trên bà chỉ quản lý sử dụng được khoảng 300m² xung quanh nhà bà, phần còn lại là do ông quản lý, sử dụng. Như vậy một lần

nữa khẳng định bà S muốn sử dụng trọn vẹn 1.899,6m² nêu trên như bản án có ghi thì bà phải yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền thi hành cho bà mới đúng, nhưng trên thực tế bà chưa làm điều này. Nếu bà chưa yêu cầu Cơ quan thi hành án (chưa có kết quả thi hành án) thì tại sao Ủy ban nhân dân huyện lại ban hành Quyết định như trên được.

Từ những phân tích như nêu trên ông cho rằng Quyết định số: 2040/QĐ-UBND ngày 29/5/2020 của Ủy ban nhân dân huyện GT, tỉnh Bến Tre được ban hành là hoàn toàn sai pháp luật. Ông yêu cầu Tòa án xem xét hủy Quyết định số 2040/QĐ-UBND ngày 29/5/2020 của Ủy ban nhân dân huyện GT, tỉnh Bến Tre.

Theo văn bản số 2439/UBND-NC ngày 23/7/2020 của Ủy ban nhân dân huyện GT, người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện GT và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện – bà Võ Thị Kiều Ch trình bày:

Ngày 27 tháng 8 năm 2018, Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre có Bản án số 236/2018/DS-PT về việc tranh chấp quyền sử dụng đất với nội dung là công nhận cho bà Trần Thị S phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế là 1.899,6m² thửa 1/36, tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại ấp 5, xã LP, huyện GT. Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Trần Anh T theo Quyết định số 179/QĐ-UB ngày 04 tháng 7 năm 1996 đối với phần đất diện tích 2.930 m² mục đích sử dụng LN thuộc thửa 92, tờ bản đồ số 1 (thửa mới là thửa 36, tờ bản đồ số 04) tọa lạc tại ấp 5, xã LP, huyện GT, tỉnh Bến Tre. Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị S phần đất diện tích 1.899,6 m² thuộc một phần thửa 92, tờ bản đồ số 1 (thửa mới là thửa 36, tờ bản đồ số 04), đặt tạm thửa 1/36 thuộc tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại ấp 5, xã LP, huyện GT, tỉnh Bến Tre.

Qua đơn yêu cầu của bà Trần Thị S về việc thực hiện Bản án số 236/2018/DS-PT của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre. Ngày 23 tháng 9 năm 2019, Chi nhánh Văn phòng Đăng Ký đất đai huyện GT ban hành Thông báo số 318/TB-CNGT về việc yêu cầu giao nộp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với nội dung: Thông báo cho ông Trần Anh T thường trú tại ấp 5, xã LP trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận thông báo này phải đến Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện GT nộp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Quyết định số 179/QĐ-UB cấp ngày 04 tháng 7 năm 1996 mang tên hộ ông Trần Anh T để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị S thường trú ấp 5, xã LP theo quy định.

Ngày 28 tháng 9 năm 2019, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện gửi Thông báo số 318/TB-CNGT về việc yêu cầu giao nộp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Anh T.

Ngày 29 tháng 10 năm 2019, Ủy ban nhân dân xã LP lập biên bản kết thúc công khai Thông báo số 318/TB-CNGT ngày 23 tháng 9 năm 2019 của

Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện GT. Tuy nhiên, ông Trần Anh T vẫn không đến Chi nhánh Văn phòng Đăng Ký đất đai huyện GT để giao nộp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 27 tháng 5 năm 2020, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện GT có Báo cáo số 223/BC-CNGT về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 675645 cấp ngày 04 tháng 7 năm 1996 mang tên hộ ông Trần Anh T.

Căn cứ Khoản 7, Điều 87, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai, Ủy ban nhân dân huyện ban hành Quyết định số 2040/QĐ-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2020 về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 675645 cấp ngày 04 tháng 7 năm 1996 mang tên hộ ông Trần Anh T để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị S. Việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Trần Anh T là đúng theo quy định của pháp luật.

Theo bản tự khai, cũng như tại phiên toà, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Trần Thị S trình bày:

Thông nhất với lời trình bày của người bị kiện, đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của ông T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Mai Thị L và ông Trần Tú X trình bày:

Thông nhất với lời trình bày của người khởi kiện, đề nghị Tòa án hủy Quyết định số 2040/QĐ-UBND ngày 29/5/2020 của UBND huyện GT.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 31/2020/HC-ST ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre đã quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ vào các Điều 99, 105, 106 Luật Đất đai 2013; điều 84, 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 “Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai”; khoản 6, 7 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UNTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Anh T về việc yêu cầu hủy Quyết định số 2040/QĐ-UBND ngày 29/5/2020 của UBND huyện GT.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn quyết định về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 07 tháng 10 năm 2020, người khởi kiện ông Trần Anh T và người

có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Mai Thị L đều có đơn kháng cáo đối với bản án hành chính sơ thẩm số 31/2019/HC-ST ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre. Lý do kháng cáo: Không đồng ý quyết định của án sơ thẩm. Yêu cầu Tòa phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để trả hồ sơ cho Tòa sơ thẩm xét xử lại. Do: Ông T, bà L khởi kiện Quyết định 2040/QĐ-UBND ngày 29/5/2020 của Ủy ban nhân dân huyện GT; về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Trần Anh T thường trú tại ấp 5, xã LP, huyện GT. Tòa sơ thẩm thụ lý ngày 19/6/2020 đang giải quyết nhưng đến ngày 15/7/2020 thì Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre lại cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà S phần diện tích 1.899,6m² thuộc thửa 417, tờ bản đồ số 04, tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện hợp pháp của ông T, bà L mới biết bà S được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới trong khi đất đang tranh chấp, vì thế yêu cầu Tòa sơ thẩm hoãn phiên tòa để ông T khởi kiện bổ sung đối với việc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà S nhưng không được chấp nhận, là trái pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Người kháng cáo ông Trần Anh T, bà Mai Thị L do ông Huỳnh Minh T1 đại diện trình bày: Giữ nguyên lý do và yêu cầu kháng cáo theo đơn kháng cáo ngày 10/10/2020, không cung cấp chứng cứ mới.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị S, trình bày: Không đồng ý với kháng cáo của ông Trần Anh T và bà Mai Thị L do việc bà S được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là căn cứ vào bản án dân sự phúc thẩm số 236/2018/DS-PT ngày 27/8/2018 đang có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, nên yêu cầu Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông Trần Anh T và bà Mai Thị L, giữ nguyên án sơ thẩm.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện, trình bày: Tòa sơ thẩm quyết định là có căn cứ, đúng quy định nên không tham gia tranh luận và đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, từ khi thụ lý đến thời điểm hiện nay thấy rằng Thẩm phán; Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Luật tố tụng hành chính, không có vi phạm.

Về nội dung: Kháng cáo của người khởi kiện ông Trần Anh T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Mai Thị L là không có căn cứ. Do, trước khi ban hành Quyết định 2040/QĐ-UBND ngày 29/5/2020 thì Ủy ban nhân dân huyện GT đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo luật định nên việc Ủy ban

nhân dân huyện GT ban hành Quyết định 2040/QĐ0UBND là có căn cứ, đúng pháp luật, tại cấp phúc thẩm không có căn cứ nào mới làm thay đổi nội dung vụ án, nên đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông Trần Anh T, bà Mai Thị L, giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về thủ tục:

[1] Tòa sơ thẩm xét xử ngày 29 tháng 09 năm 2020 đến ngày 07 tháng 10 năm 2020 ông T, bà L có đơn kháng cáo nên kháng cáo của ông T, bà L là hợp lệ được xem xét tại cấp phúc thẩm theo quy định tại Điều 206 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

- Người không kháng cáo nhưng có liên quan đến kháng cáo có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 4 Điều 225 Luật tố tụng hành chính Tòa xét xử vắng mặt họ.

[2] Đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện: Tòa sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện là Quyết định số 2040/QĐ-UBND, ngày 29/5/2020 của Ủy ban nhân dân huyện GT, về hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Trần Anh T và ông T khởi kiện là còn thời hiệu là đúng quy định tại khoản 1 điều 3, các điều 30, 32, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính 2015.

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Trần Thị S cung cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CX 116401 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre cấp cho bà Trần Thị S vào ngày 15/7/2020 đối với thửa đất số 417, diện tích 1.899,6 m², thuộc tờ bản đồ số 4, tọa lạc xã LP, huyện GT, tỉnh Bến Tre. Người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện – ông Huỳnh Minh T1 đề nghị Tòa sơ thẩm hoãn phiên tòa để khởi kiện bổ sung yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên. Tòa sơ thẩm xét thấy đối tượng khởi kiện ban đầu của vụ án hành chính là Quyết định số 2040/QĐ-UBND ngày 29/5/2020 của UBND huyện GT. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CX 116401 ngày 15/7/2020 của bà Trần Thị S là do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre cấp nên khác nhau về đối tượng khởi kiện và người bị kiện; do đó không thụ lý giải quyết trong cùng một vụ án và ông T có thể khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CX 116401 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre cấp cho bà Trần Thị S vào ngày 15/7/2020 đối với thửa đất số 417, diện tích 1.899,6 m², thuộc tờ bản đồ số 4, tọa lạc xã LP, huyện GT, tỉnh Bến Tre trong một vụ án hành chính khác là không vi phạm thủ tục tố tụng nên kháng cáo yêu cầu hủy án của ông T, bà L là không có căn cứ.

- Về nội dung:

[1] Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành quyết định hành chính:

Trên cơ sở đơn Bản án dân sự phúc thẩm số 236/2018/DS-PT ngày 27/8/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre đang có hiệu lực pháp luật, bà Trần Thị S có đơn yêu cầu thi hành án. Ngày 23/9/2019 Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện GT ban hành Thông báo số 318/TB-CNGT yêu cầu ông T giao nộp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 04/7/1996 để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà S theo quy định.

Ngày 27/9/2019, UBND xã LP lập biên bản công khai, niêm yết Thông báo trên. Đến ngày 29/10/2019, UBND xã LP lập biên bản kết thúc công khai, niêm yết thông báo trên, tuy nhiên ông T không giao nộp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 27/5/2020, Chi nhánh Văn phòng đất đai huyện GT có Báo cáo số 223/BC-CNGT về hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông T ngày 04/7/1996.

Ngày 28/5/2020, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện GT có Tờ trình số 245/TTr-TNMT tham mưu UBND huyện hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông T ngày 04/7/1996.

Nên về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành Quyết định số 2040/QĐ-UBND ngày 29/5/2020 của UBND huyện GT là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 105; điểm d khoản 2 và khoản 3 Điều 106 Luật Đất đai 2013, Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

[2] Về nội dung quyết định hành chính bị khiếu kiện:

Bản án số 236/2018/DS-PT ngày 27/8/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre đã tuyên có nội dung công nhận cho bà Trần Thị S phần đất có diện tích qua đo đạc thực tế là 1.899,6m² thuộc thửa 1/36, tờ bản đồ số 4, tọa lạc ấp 5, xã LP, huyện GT.

Phía người khởi kiện cho rằng UBND huyện GT không có thẩm quyền thi hành bản án nêu trên. Đồng thời, ông T chưa tự nguyện thi hành bản án và đang khiếu nại theo thủ tục giám đốc thẩm do ông không đồng ý với nội dung bản án trên vì theo ông trong phần diện tích 1.899,6 m² bà S chỉ quản lý sử dụng 300 m², phần còn lại do gia đình ông T quản lý.

Hội đồng xét xử xét thấy, Bản án số 236/2018/DS-PT ngày 27/8/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre đang có hiệu lực pháp luật, không bị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm. Hơn nữa, bản án tuyên kiến nghị UBND huyện điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông T để cấp cho bà S diện tích 1.899,6 m² thuộc một phần thửa số 92, tờ bản đồ số 01 (nay là thửa số 36, tờ bản đồ số 04) và phần đất này bà S đã quản lý sử dụng, trồng hoa màu và cất nhà ở từ năm 1982 cho đến nay, có các ngôi mộ của gia đình bà S chôn cất từ lâu. Căn cứ quyết định của bản án trên nên ngày

23/9/2019 Chi nhánh Văn phòng đất đai huyện GT ban hành Thông báo số 318/TB-CNGT yêu cầu ông T giao nộp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 04/7/1996 để điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Trần Anh T theo Quyết định số 179/QĐ-UB ngày 04/7/1996 đối với diện tích 2930m², thuộc thửa 92, tờ bản đồ số 1 (thửa đất mới số 36, tờ bản đồ số 4), tọa lạc ấp 5, xã LP; Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị S đối với phần đất có diện tích qua đo đạc thực tế là 1.899,6m² thuộc thửa 1/36, tờ bản đồ số 4, tọa lạc ấp 5, xã LP, huyện GT. Căn cứ khoản 6, 7 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai “Việc thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 106 của Luật Đất đai chỉ được thực hiện khi có bản án hoặc quyết định của Tòa án nhân dân đã được thi hành”; “Trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 6 Điều này mà người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất không giao nộp Giấy chứng nhận thì Văn phòng đăng ký đất đai có trách nhiệm báo cáo cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất quyết định hủy Giấy chứng nhận đã cấp; chỉnh lý hồ sơ địa chính theo quy định...”. Do đó, UBND huyện GT ban hành Quyết định số 2040/QĐ-UBND ngày 29/5/2020 về hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông T là có căn cứ, đảm bảo nội dung theo quy định pháp luật.

Từ các chứng cứ nêu trên, Tòa sơ thẩm xác định Quyết định số 2040/QĐ-UBND ngày 29/5/2020 của UBND huyện GT được ban hành đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền và nội dung theo quy định pháp luật. Vì vậy, bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Anh T là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Tại cấp phúc thẩm không có căn cứ nào mới làm thay đổi nội dung vụ án, nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát; bác kháng cáo của ông T, bà L, giữ nguyên án sơ thẩm.

[3] Án phí hành chính: Miễn án phí hành chính sơ thẩm và phúc thẩm cho ông T và miễn án phí hành chính phúc thẩm cho bà L do ông T, bà L là người cao tuổi.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241; khoản 1 Điều 3, các điều 30, 32, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính 2015.

Căn cứ vào các Điều 99, 105, 106 Luật Đất đai 2013; điều 84, 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 “Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai”; khoản 6, 7 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày

15/5/2014 sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UNTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; xử:

1/ Bác kháng cáo của ông Trần Anh T, bà Mai Thị L, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 31/2020/HC-ST ngày 29/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre. Cụ thể:

2/ Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Anh T, về việc yêu cầu hủy Quyết định số 2040/QĐ-UBND ngày 29/5/2020 của UBND huyện GT. Về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Trần Anh T thường trú ấp 5, xã LP, huyện GT.

3/ Án phí hành chính: Miễn án phí hành chính sơ thẩm và phúc thẩm cho ông Trần Anh T; miễn án phí hành chính phúc thẩm cho bà Mai Thị L.

4/ Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC
- VKSNDCC tại TPHCM.
- TAND tỉnh Bến Tre.
- VKSND tỉnh Bến Tre.
- Cục THADS tỉnh Bến Tre.
- Các đương sự (2).
- Lưu HS (02) VP (5) 16b (án 09)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tửu

